| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 419/2022/DS-ST
Ngày: 12-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Nguyễn Thị Mây
2. Ông Nguyễn Văn Tiên

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 541/2020/TLST–DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 673/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 791/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim D, sinh năm 1966
Thường trú: 865/210 ấp Th Ph, xã T B, huyện Ch Th, tỉnh Đồng Tháp.
*Đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Đặng Minh Th, sinh năm 1981, trú tại: 12/8/6 Đường số 8, Khu phố 4, phường H B Ph, thành phố Th Đ, Thành phố Hồ Chí Minh – Là đại diện theo ủy quyền (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 21/9/2020 tại Phòng Công chứng Số 2, tỉnh Đồng Tháp).
(Có đơn xin vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1967
Địa chỉ: P30 đường TTN17, Khu phố 4, phường T Th Nh, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2020 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 5 năm 2021 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đặng Minh Th trình bày như sau:

Ngày 23/3/2017, bà Nguyễn Thị K vay bà Huỳnh Kim D số tiền là 200.000.000 đồng. Ngày 10/4/2017, bà K vay thêm số tiền là 70.000.000 đồng, tổng cộng bà K vay bà D số tiền là 270.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 23/3/2017, bà K có nghĩa vụ trả hết cho bà D số tiền 270.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng. Tuy nhiên, bà K không trả nợ cho bà D theo đúng thỏa thuận. Vì vậy, bà D đã gửi đơn lên Ủy ban nhân dân phường T Th Nh (Sau đây gọi tắt là UBND P.TTN) để giải quyết. Ngày 03/12/2019, UBND P.TTN đã lập biên bản để giải quyết đơn của bà D. Tại biên bản này, bà K xác nhận có vay của bà D số tiền 270.000.000 đồng và đã trả được 28.000.000 đồng, còn nợ bà D số tiền gốc là 242.000.000 đồng.

Từ ngày 03/12/2019 đến nay, bà K không trả thêm cho bà D bất cứ khoản tiền nào. Nay, bà D yêu cầu bà K trả cho bà D số tiền gốc còn thiếu là 242.000.000 đồng và tiền lãi 09 tháng (từ ngày 03/12/2019 đến ngày 03/9/2020) là 242.000.000 đồng x 0.83% x 9 tháng = 18.077.400 đồng, tổng số tiền mà bà D yêu cầu bà K phải trả là 260.077.400 đồng.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị K không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tống đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật. Việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Đây là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản", thời điểm hai bên xác nhận nợ tại UBND P.TTN, bị đơn đang cư trú tại Quận 12 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên theo quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay là 242.000.000 đồng:

Tại giấy vay tiền ngày 23 tháng 3 năm 2017 có nội dung bà Nguyễn Thị K vay bà Huỳnh Kim D số tiền 200.000.000 đồng. Cũng tại giấy vay tiền này, đến ngày 10/4/2017, bà K vay thêm số tiền 70.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà bà K vay bà D là 270.000.000 đồng, bà K đã trả được cho bà D số tiền là 28.000.000 đồng và còn nợ lại bà D số tiền là 242.000.000 đồng. Số tiền nợ này cũng đã được bà K xác nhận tại Biên bản ngày 03 tháng 12 năm 2019 lập tại UBND P.TTN, Quận 12.

Theo giấy vay tiền ngày 23 tháng 3 năm 2017, bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả số tiền đã vay trong thời hạn 03 tháng. Tuy nhiên, bà K chỉ trả được cho bà D 28.000.000 đồng và từ ngày 03/12/2019 đến nay thì không trả thêm bất cứ khoản nào cho bà D. Như vậy, bà K đã vi phạm nghĩa vụ tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc 242.000.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi:

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến thời hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.

Tại giấy vay tiền ngày 23 tháng 3 năm 2017, các bên thỏa thuận về số tiền vay và thời hạn vay, không thỏa thuận về lãi suất. Căn cứ vào khoản 4 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 (Không được quá 20%/năm).

Phía nguyên đơn bà D chỉ yêu cầu tiền lãi từ ngày 03/12/2019 đến ngày 03/9/2020 là 09 tháng, mức lãi suất là 0.83%/tháng (9.96%/năm) với số tiền là 18.077.400 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 242.000.000 đồng, tiền lãi 09 tháng là 18.077.400 đồng, tổng cộng là 260.077.400 đồng nên phải chịu án phí là: 5% x 260.077.400 đồng = 13.003.870 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 280, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà Huỳnh Kim D tiền nợ gốc là 242.000.000 (Hai trăm bốn mươi hai triệu) đồng, tiền lãi 09 tháng tính từ ngày 03/12/2019 đến ngày 03/9/2020 là 18.077.400 (Mười tám triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm) đồng, tổng cộng là 260.077.400 (Hai trăm sáu mươi triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng bà Nguyễn Thị K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí là 13.003.870 (Mười ba triệu không trăm lẻ ba ngàn tám trăm bảy mươi) đồng;

Hoàn trả cho bà Huỳnh Kim D số tiền 6.501.935 ( Sáu triệu năm trăm lẻ một ngàn chín trăm ba mươi lăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0105345 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh**

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh**